TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN GÒ VẤP** **THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 537/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Anh Tài

Bà Trần Thị Bích Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, THnh phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, THnh phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, THnh phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1471/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh H, sinh năm 1968; địa chỉ: Lô A chung cư T, Phường M, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Từ C, sinh năm 1968; địa chỉ: đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản ghi nhận ý kiến; nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh H đã trình bày ý kiến và yêu cầu như sau: Bà và ông Từ C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau vào năm

1997 tại Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh L. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng của bà hạnh phúc bình thường nhưng đến năm 1999 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Từ C thường xuyên đi làm ăn xa, không chăm sóc gia đình, vợ con, ngoài ra ông C còn thường xuyên vắng nhà với lý do ông C có nhiều mối quan hệ bất chính với những người phụ nữ khác ở bên ngoài. Mặc dù bà đã rất nhiều lần khuyên ngăn, vun đắp tình cảm để có hướng khắc phục và cùng bà chăm sóc gia đình nhưng ông C vẫn không thay đổi. Nay cảm thấy hạnh phúc gia đình không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Từ C.

Trong quá trình chung sống bà và ông Từ C có 01 người con chung tên: Từ Thanh Nhàn, sinh ngày 03/12/1995 đã chết do bị bệnh năm 2009.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa đồng thời xác định hiện nay bà không còn tình cảm với ông C, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Từ C vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể : đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tống đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn năm 1997, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Bà H và ông C chung sống không hạnh phúc,

thường xảy ra tranh cãi, bất đồng, hiện không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn. Căn cứ các Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H; Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết; Về án phí: giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

[2] Bà Lê Thị Thanh H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Từ C. Ông Từ C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ số 865 ngày 22/6/2017 của Công an Phường 9, quận Gò Vấp). Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Ông Từ C đã được Tòa án nhân dân quận Gò Vấp tống đạt, niêm yết giấy triệu tập đương sự, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo khoản 1, khoản 2 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông C vắng mặt không lý do. Bà H có đơn xin vắng mặt và để nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Căn cứ quy định Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vắng mặt ông Từ C và bà Lê Thị Thanh H.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn sự: Xét yêu cầu của bà Lê Thị Thanh H được ly hôn với ông Từ C; Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa bà H và ông C là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận theo giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 29/4/1997 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh L.

[5] Căn cứ lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa bà bà H và ông C của Hội phụ nữ Phường 4, quận Gò vấp, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông C có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống. Cả hai đã ly thân và không còn chung sống với nhau từ năm 2000 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C cũng vắng mặt, qua đó thể hiện ông C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai bên, nhưng từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay, Tòa án cũng đã tạo điều kiện về thời gian để bà H và ông C có

thể tự hòa giải những mâu thuẫn với nhau nhưng không thành. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông C không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Thanh H đối với ông Từ C.

[6] Về quan hệ con chung: Bà H và ông C có 01 con chung nhưng đã chết.

[7] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thanh H

- Bà Lê Thị Thanh Hà, sinh năm 1968 được ly hôn với ông Từ Cẩu, sinh năm 1968.

Giấy chứng nhận kết hôn số 71 ngày 29/4/1997 của Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh L cấp cho bà H và ông C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực.

- Về quan hệ con chung: Có 01 con chung nhưng đã chết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà Lê Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên

lai thu tiền số 0027841 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Quận Gò Vấp;
- UBND huyện A, tỉnh L
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Quốc Việt